TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:21/2024/DS-ST
Ngày 21-6-2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quốc Võ

2. Ông Huỳnh Văn Rô

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuỳ Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn:

+ Ông Phan Minh C, sinh năm 1961 (Vắng)

+ Ông Phan Minh S (Vắng)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T và lời trình bày của bà Phạm Thị Hồng T trong quá trình tham gia tố tụng thể hiện như sau:

Trong thời gian từ năm 2018 đến tháng 10/2020, ông Phan Minh C có thoả thuận mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản với bà Phạm Thị Hồng T. Hai bên thoả thuận khi nào thu hoạch tôm thì trả tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản còn thiếu cho bà. Quá trình thực hiện thoả thuận, khi giao thức ăn và thuốc thuỷ sản thì phía ông Phan Minh C đều có ký nhận vào sổ giao hàng. Việc nuôi tôm của ông C chủ yếu là do ông Phan Minh S là con của ông C trực tiếp nuôi. Do việc nuôi tôm lỗ nên ông C không trả tiền mua hàng cho bà theo đúng thoả thuận. Ngày 18/10/2020, ông Phan Minh S thay mặt ông Phan Minh C chốt công nợ thì gia đình ông C còn nợ số tiền là 1.657.668.000 đồng. Sau đó, ông S có gửi trả cho bà 02 lần được 40.000.000 đồng vào các ngày 02/3/2022 (20.000.000 đồng) và ngày 29.7.2023 (20.000.000 đồng). Như vậy, số tiền ông Phan Minh C còn nợ lại bà là 1.617.668.000 đồng.

Bà có nhiều lần gặp ông C yêu cầu trả tiền còn nợ nhưng do ông C nuôi tôm thua lỗ, nợ ngân hàng nên ông C hứa hẹn mà không chịu trả tiền cho bà. Bà có nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông C không chịu trả tiền.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phan Minh C phải trả cho bà số tiền còn nợ là 1.617.668.000 đồng. Về tiền lãi, do nguồn tiền kinh doanh bà cũng vay ngân hàng nên yêu cầu ông C phải trả cho bà tiền lãi chậm trả tiền. Bà tạm tính tiền lãi từ ngày 30/7/2023 đến ngày 30/11/2023 với lãi suất 0,83%/tháng là: 1.617.668.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 tháng = 53.706.577 đồng và tiền lãi từ ngày 01/12/2023 cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,83%/tháng.

Đối với ông Phan Minh S, bà T rút lại yêu cầu đối với ông S, không yêu cầu ông S trả tiền cho bà do số tiền còn nợ là của ông C.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Phan Minh C tại biên bản lấy lời khai thể hiện như sau:

Ông và bà Phạm Thị Hồng T có thoả thuận miệng về việc bà T bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm cho ông. Về phương thức, thời gian thanh toán, ông và bà T thống nhất cuối một vụ tôm (khi thu hoạch tôm từng vụ) là ông sẽ thanh toán tiền cho bà T. Việc nhận hàng chủ yếu là do con ông là Phan Minh S nhận vì ông S trực tiếp nuôi tôm cho ông. Do nuôi tôm thua lỗ nên ông chưa thanh toán hết tiền còn nợ cho bà T như thoả thuận ban đầu. Đối với số tiền con ông là Phan Minh S chốt công nợ với bà T, cụ thể số tiền còn nợ bà T 1.617.668.000 đồng thì ông sẽ hỏi lại ông S và có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T sau.

Bị đơn ông Phan Minh S đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông S không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông S cũng vắng mặt tại phiên họp hoà giải và

các lần Toà án mở phiên toà nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Minh C phải trả tiền cho bà Phạm Thị Hồng T số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm còn nợ là 1.617.668.000 đồng và số tiền lãi do ông Phan Minh C chậm trả nợ cho bà T theo quy định.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Hồng T rút lại đối với ông Phan Minh S.

- Về án phí: Mặc dù ông Phan Minh C trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nhưng ông C không làm đơn yêu cầu miễn án phí nên đề nghị buộc ông C phải chịu án phí theo quy định.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kết quả hỏi tại phiên toà đã làm rõ, tổng số tiền ông Phan Minh C còn nợ bà Phạm Thị Hồng T là bao gồm tiền bán thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm cho ông Phan Minh C. Vì vậy, Toà án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho đầy đủ là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm*".

[2] Về chứng cứ: Trước và tại phiên toà, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không đề nghị Tòa án xác minh, lấy lời khai của người làm chứng cũng như không đề nghị triệu tập thêm ai đến phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà đã làm rõ giữa bà Phạm Thị Hồng T và ông Phan Minh C có thoả thuận miệng về việc mua bán thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm. Theo thoả thuận, bà T sẽ bán cho ông C thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm. Khi ông C thu hoạch tôm xong (tính theo từng vụ) thì ông C có nghĩa vụ trả cho bà T đủ tiền đã mua thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm. Quá trình giao nhận hàng có ghi toa; người nhận hàng là ông Phan Minh S (con của ông Phan Minh C do ông S trực tiếp nuôi tôm cho ông C). Do ông C nuôi tôm thua lỗ nhiều vụ nên ông C không trả tiền mua hàng đầy đủ cho bà T mà phải nợ lại tiền qua nhiều vụ tôm. Đến ngày 18/10/2020, ông Phan Minh S thay mặt ông Phan Minh C ký xác nhận số tiền còn nợ bà T là 1.657.668.000 đồng vào sổ do bà Thu g. Bà T có giao nộp cho Toà án phần sổ ghi nội dung này. Tiếp theo vào ngày 02/3/2022, ông S có gửi trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng và ngày 29/7/2023 ông S có gửi trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng. Nội dung ông S gửi trả tiền cho bà T được bà T ghi rõ vào trong sổ và có giao nộp cho Toà án. Như vậy, số tiền ông Phan Minh C còn nợ lại bà T là 1.617.668.000 đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Minh C đều vắng mặt tại phiên họp hoà giải và vắng mặt trong các lần Toà án mở phiên toà. Từ lúc Toà án lấy lời khai ông C đến phiên toà này, ông C cũng không có ý kiến phản hồi hay phản đối gì đối với số tiền bà T khởi kiện. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, đối chiếu với toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên toà, đã có đủ căn cứ xác định được ông Phan Minh C còn nợ bà Phạm Thị Hồng T số tiền mua thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm là 1.617.668.000 đồng.

Về yêu cầu tính tiền lãi do ông Phan Minh C chậm trả tiền còn nợ cho bà T, Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, ông Phan Minh C phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ bà T. Về lãi suất để tính tiền lãi chậm trả tiền thì tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định: Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong vụ án này, giữa bà T và ông C không có thoả thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất được áp dụng để tính tiền lãi là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Về thời gian tính tiền lãi chậm trả tiền: Theo tài liệu, chứng cứ trong vụ án thì thời điểm cuối cùng ông Phan Minh S trả tiền cho bà T là ngày 29/7/2023 nên bà T yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 30/7/2023 là phù hợp. Như vậy, số tiền lãi ông C phải trả cho bà T từ ngày 30/7/2023 đến ngày 21/6/2024 được tính như sau:

1.617.668.000 đồng x [(10 tháng x 0,83%/tháng) + (22 ngày x 0,027%/ngày)]= 1.617.668.000 đồng x (8,3% + 0,594%) = 143.875.391 đồng.

Tổng số tiền ông Phan Minh C có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Thị Hồng T là: 1.617.668.000 đồng + 143.875.391 đồng = 1.761.543.391 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Phan Minh C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi mở phiên toà, Toà án đã giải thích, hướng dẫn và gửi cho ông C mẫu đơn đề nghị miễn án phí để gửi cho Toà án xem xét nhưng ông C không gửi đơn đề nghị miễn án phí cho Toà án. Tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án có quy định: Người đề nghị được miễn án phí phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn. Do đó, ông Phan Minh C không được xét miễn án phí mà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định được tính như sau: 36.000.000 đồng + (1.761.543.391 đồng - 800.000.000 đồng) x 3% = 64.846.301 đồng.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.071.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 12, 14 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T.

Buộc ông Phan Minh C phải trả cho bà Phạm Thị Hồng T tổng số tiền là 1.761.543.391 đồng. Trong đó, tiền mua thức ăn, thuốc thuỷ sản và vật tư phục vụ nuôi tôm còn nợ là 1.617.668.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền còn nợ là 143.875.391 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T đã rút, không khởi kiện đối với ông Phan Minh S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phan Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 64.846.301 đồng.

Bà Phạm Thị Hồng T không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Hồng T toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 31.071.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002088 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

4. Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phan Minh C và ông Phan Minh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh